

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên

Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y

Chuyên ngành: Ung thư

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Thắng

2. Ngày tháng năm sinh: 23/04/1969.

Nam  ; Nữ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán : Xã La sơn, Huyện Bình lục, Tỉnh Hà Nam.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 208, Khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Nội 4, Bệnh viện K, 30 Đường Cầu Bươu, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 0985859468; Điện thoại di động: 0913064307;

E-mail: Tranthangncc@gmail.com

7. Quá trình công tác:

Từ tháng 10 năm 1996 đến tháng 5 năm 2006: Bác sỹ điều trị công tác tại khoa Hoá chất Bệnh viện K.

Từ tháng 6 năm 2006 đến tháng 7 năm 2012: Bác sỹ điều trị công tác tại khoa Nội 1 Bệnh viện K, từ tháng 4 năm 2008 là phó trưởng khoa nội 1 Bệnh viện K.

Từ tháng 8 năm 2012 đến nay: Trưởng khoa Nội 4, Bệnh viện K.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa Nội 4, Bệnh viện K;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện K-Cơ sở Tân Triều.

Địa chỉ cơ quan: 30 Đường Cầu Bươu, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Bộ môn ung thư, ĐH Y Hà nội.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ...năm : chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối: Bộ môn ung thư, Đại học Y Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 09 năm 1993; số văn bằng: 226 ; ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH trường: Đại học Y Hà nội/Việt nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 05 năm 2003; số văn bằng: 0288; ngành: Y ; chuyên ngành: Ung thư ; Nơi cấp bằng ThS trường: Đại học Y Hà nội/Việt nam.

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 12 năm 2012; số văn bằng: 00095.; ngành: Y; chuyên ngành: Ung thư ; Nơi cấp bằng TS trường: Đại học Y Hà nội/Việt nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Điều trị bổ trợ trong ung thư đại tràng sau phẫu thuật

- Hướng nghiên cứu 2: Hoá xạ trị đồng thời sau phẫu thuật ung thư trực tràng

- Hướng nghiên cứu 3: Hoá xạ trị tiền phẫu ung thư trực tràng

- Hướng nghiên cứu 4: Điều trị ung thư đại trực tràng di căn gan

- Hướng nghiên cứu 5: Hoá trị bổ trợ sau hoá xạ trị đồng thời tân bổ trợ và phẫu thuật ung thư trực tràng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn: 10 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 09 cấp cơ sở; tham gia 1 đề tài cấp nhà nước.

- Đã công bố: 50 bài báo khoa học, trong đó 4 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp: ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 5, trong đó 5 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không

15. Khen thưởng danh hiệu: 11 danh hiệu thi đua cấp cơ sở 2004, 2005, 2007, 2008, 2013, 2015, 2016, 2019, 2020, 2021, 2022, 1 bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y Tế cấp 2021, 1 bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y Tế cấp tháng 7 năm 2023.

16. Kỷ luật: không

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trung thành với Tổ Quốc, phấn đấu theo lý tưởng của Đảng và tuân thủ mọi quy định của Nhà nước.

Yêu nghề và phấn đấu liên tục vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ tương lai.

Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, có lối sống khiêm tốn, giản dị.

Quan hệ với đồng nghiệp hoà nhã đúng mực, với sinh viên luôn giảng dạy, hướng dẫn nhiệt tình.

Chấp hành đầy đủ mọi nội quy, quy định trong giảng dạy của nhà trường và bộ môn.

Giáo trình, giáo án luôn cập nhật kiến thức, phương pháp truyền đạt mới cho bài giảng lý thuyết và thực hành.

Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, kết hợp giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018			2			104	104/201,6/135
2	2018-2019			1			84	84/187/135
3	2019-2020			2			84	84/212/135
03 năm học cuối								
4	2020-2021		1	1			84	84/193,7/135
5	2021-2022			2			64	64/246/135
6	2022-2023		2	4			68	68/152,4/135

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH  ; tại nước: ..... năm.....

- Đào tạo chuyên khoa  ung bướu nội khoa tại nước: Singapore năm 2001

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng C tiếng anh, số văn bằng: 141056, Đại học ngoại ngữ cấp ngày 16/04/1997.

Văn Bằng: ETS TOEFL iBT 70, test date: February 14, 2023 ; Appointment Number: 6491802238161230.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ..... đến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/ có quyết định cấp bằng	Trang (trong hồ sơ)
		NCS	HVCH /CK2/ BSNT	Chính	Phụ				
Trước khi được công nhận PGS/TS									
Sau khi được công nhận PGS/TS									
1	Võ Quốc Hoàn		+		+	2015-2016	Trường ĐH Y Hà Nội		BSNT
2	Trương Văn Hợp		+	+		2016-2017	Trường ĐH Y Hà Nội		BSNT
3	Hoàng Ngọc Tấn		+	+		2017-2018	Trường ĐH Y Hà Nội		CH
4	Nguyễn Thị Phương Thảo		+	+		2017-2018	Trường ĐH Y Hà Nội		CH

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

5	Tạ Mai Loan					2018-2019	Trường ĐH Y Hà Nội		CH
6	Vũ Đức Quân			+		2019-2020	Trường ĐH Y Hà Nội		BSNT
7	Đặng Văn Mạnh		+	+		2019-2020	Trường ĐH Y Hà Nội		CH
8	Phan Văn Quân		+	+		2020-2021	Trường ĐH Y Hà Nội		BSNT
9	Nguyễn Trọng Hiếu	+				2020-2021	Trường ĐH Y Hà Nội		NCS
10	Nguyễn Thị Hoa Hồng		+	+		2021-2022	Trường ĐH Y Hà Nội		CH
11	Nguyễn Thị Kim Anh		+	+		2021-2022	Trường ĐH Y Hà Nội		CK2
12	Phạm Thanh Phương		+	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Sắp bảo vệ	CH
13	Lê Bá Tuấn Anh		+	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Sắp bảo vệ	CH
14	Nguyễn Thị Luyến		+	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Sắp bảo vệ	CH
15	Trần Thị Hoa		+	+		2022-2023	Trường ĐH Y Hà Nội	Sắp bảo vệ	BSNT
16	Hoàng Thị Cúc	+				2022-2025	Trường ĐH Y Hà Nội		NCS
17	Hoàng Ngọc Tấn	+				2022-2025	Trường ĐH Y Hà Nội		NCS

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, tham gia biên soạn	Phần biên soạn của ứng viên	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGD (số văn bản xác nhận sử dụng sách)	ISBN (nếu có)
Trước khi được công nhận Tiến sĩ								
1	Điều trị nội khoa bệnh ung thư	TK	Nhà xuất bản Y học, 2010	09	Tham gia biên soạn		Quyết định số: 2140/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 07 năm 2012 của Trường Đại Học Y Hà Nội	
Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
2	Thực hành điều trị nội khoa bệnh ung thư	TK	Nhà xuất bản y học, 2013	28	Tham gia biên soạn		Quyết định số: 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Trường Đại Học Y Hà Nội	
3	Sổ tay điều trị nội khoa ung thư	TK	Nhà xuất bản y học, 2015	14	Tham gia biên soạn		Quyết định số: 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Trường Đại Học Y Hà Nội	
4	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung thư thường gặp	HD	Nhà xuất bản y học, 2016	27	Tham gia biên soạn		Quyết định số: 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Trường Đại Học Y Hà Nội	
5	Chẩn đoán, điều trị Ung thư đầu cổ, phổi và ung thư hệ tiêu hóa	TK	Nhà xuất bản y học, 2017	38	Tham gia biên soạn		Quyết định số: 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Trường Đại Học Y Hà Nội	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS:

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày, tháng, năm nghiệm thu/Kết quả	Trang (trong hồ sơ)
Trước khi được công nhận TS						
1	Kết quả hóa trị liệu hỗ trợ phác đồ FUFA trong điều trị ung thư biểu mô tuyến đại trực tràng tại Bệnh viện K từ 1997 đến 2000	CN	Cơ sở	2004	B	
2	Nghiên cứu dịch tễ học, chẩn đoán, điều trị, phòng chống một số bệnh ung thư ở Việt Nam (vú, gan, dạ dày, phổi, máu)	Tham gia	Nhà nước KC. 10.06		31/10/2007 B	
3	Đánh giá kết quả bước đầu của Hemax trong điều trị thiếu máu ở một số bệnh ung thư tại Bệnh viện K	CN	Cơ sở	2008	B	
Sau khi được công nhận TS						
4	Đánh giá hiệu quả bước đầu của hóa trị liệu trong điều trị ung thư đại trực tràng có di căn gan tại Bệnh viện K 2012-2013	CN	Cơ sở	2013	B	

5	Đánh giá kết quả hóa xạ trị đồng thời tân bổ trợ trong ung thư trực tràng T3-4NxM0 tại Bệnh viện K	CN	Cơ sở	2015	A	
6	Đánh giá kết quả hóa xạ trị đồng thời bổ trợ sau phẫu thuật trong ung thư trực tràng giai đoạn II-III tại Bệnh viện K từ 2012 đến 2016	CN	Cơ sở	2016	A	
7	Vai trò của CEA trong đánh giá đáp ứng điều trị ung thư đại trực tràng giai đoạn tái phát di căn	CN	Cơ sở	2019	A	
8	Đánh giá kết quả điều trị ung thư đại tràng di căn gan không còn chỉ định phẫu thuật triệt căn bằng hóa chất phối hợp đốt sóng cao tần tại Bệnh viện K	CN	Cơ sở	2020	B	
9	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ XELIRI sau thất bại với hóa trị bước 1 ung thư đại trực tràng giai đoạn IV	CN	Cơ sở	2021	B	
10	Đánh giá kết quả hoá trị liệu bổ trợ sau hoá xạ trị đồng thời và phẫu thuật ung thư trực tràng giai đoạn T3-4NxM0 tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2022	A	



- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính (đánh dấu ✓)	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học/ISSN/ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng/năm công bố	Trang (trong hồ sơ)
Trước khi được công nhận Tiến sĩ									
1	Kết quả hóa trị liệu hỗ trợ phác đồ FUFA trong điều trị ung thư biểu mô tuyến đại trực tràng tại Bệnh viện K từ 1997 đến 2000	2	✓	Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 0866-7241			Số 461, 119-126	2003	
2	Đánh giá kết quả hóa trị liệu trong điều trị ung thư biểu mô tuyến đại trực tràng giai đoạn muộn tại Bệnh viện K từ 2001 đến 2002	5		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 0866-7241			Số 489, 88-96	2004	
3	Đánh giá hiệu quả phác đồ ABVD kết hợp xạ trị trường chiếu nhỏ trong điều trị bệnh Hodgkin	10		Đặc san ung thư học			Quý III, 291-298	2005	

4	Kết quả điều trị phẫu thuật kết hợp hoá chất hỗ trợ ung thư dạ dày giai đoạn muộn	4		Tạp chí Y học Thực hành ISSN: 0866-7241		Số 541, 405-415	2006	
5	Đánh giá hiệu quả của phác đồ Cisplatin và Fluorouracil kết hợp với xạ trị trong điều trị tân bào ung thư hạ họng thanh quản giai đoạn III-IV (M0) tại Bệnh viện K 2002 – 2005	5		Tạp chí Ung thư học Việt Nam		Số 1, 112-120	2008	
6	Đánh giá kết quả bước đầu của Hemax trong điều trị thiếu máu ở một số bệnh ung thư tại Bệnh viện K	2		Tạp chí Ung thư học Việt Nam		Số 1, 313-319	2008	
7	Nghiên cứu áp dụng hóa trị liệu hỗ trợ phác đồ FUFA sau phẫu thuật ung thư biểu mô tuyến đại tràng	3	✓	Tạp chí Ung thư học Việt Nam		Số 1, 59-63	2009	
8	Nghiên cứu áp dụng hóa trị liệu pháp hỗ trợ phác đồ FUFA sau phẫu thuật ung thư biểu mô tuyến đại tràng	4	✓	Tạp chí Ung thư học Việt Nam		Số 1, 373 - 383	2010	

9	Đánh giá hiệu quả điều trị bước đầu của R-CHOP trong bệnh lympho không Hodgkin tế bào B tại Bệnh viện K	3		Tạp chí Ung thư học Việt Nam		Số 1, 530 - 537	2010	
10	Đánh giá bước đầu kết quả điều trị của phác đồ Nimotuzumab - Hoá xạ trị đối với ung thư tế bào vảy vùng đầu cổ giai đoạn III, IVA, IVB	9		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400		Số 1, 163-169	2012	
<b>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>								
<b>Các bài báo quốc tế</b>								
11	Treatment outcome and safety of the TCX regimen for advanced gastric cancer: A Prospective Cohort Study DOI: <a href="https://doi.org/10.2147/cmcr.s384325">10.2147/cmcr.s384325</a>	4	Đồng tác giả	Cancer Management and Research ISSN: 1179-1322	Scopus Q2, Citescor e: 6.9 IF: 3.602	14:2825-2837,	2022	
12	Primary melanoma of the rectum: Case report of a rare tumor DOI: 10.1097/M9.0000000000000902	4	✓	Annals of Medicine and Surgery ISSN: 2049-0801	Scopus Q3 Citescor e: 1.7 IF:1.75 2	85(6): 3140-3144	2023	

13	Primary gastrointestinal nonhodgkin lymphoma: A Retrospective study in Vietnam DOI: 10.1097/MS9.0000000000000858	5	✓	Annals of Medicine and Surgery ISSN: 2049-0801	Scopus Q3 Citescore: 1.7 IF:1.75 2	85(6):23 90-2394	2023	
14	Systemic chemotherapy combined with radiofrequency ablation for colorectal cancer with liver metastasis: a retrospective cohort study DOI:10.1097/MS9.0000000000000954	5	✓	Annals of Medicine and Surgery ISSN: 2049-0801	Scopus Q3 Citescore: 1.7 IF:1.752		2023	
15	Nghiên cứu phác đồ Vinorelbine – Cisplatin trong ung thư phổi không phải tế nhỏ giai đoạn muộn	3		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 2, 288-294	2014	
16	Đánh giá hiệu quả của hóa trị liệu trong ung thư đại trực tràng có di căn gan	5	✓	Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 2, 408-415	2014	

17	Đánh giá sống thêm 3 năm và tính an toàn của phác đồ hoá chất hỗ trợ TAC trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II có hạch nách dương tính.	4		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 2, 577-585	2014	
18	Đánh giá kết quả hóa xạ trị đồng thời tân bổ trợ trong ung thư trực tràng T3-4NxM0 tại Bệnh viện K	9	✓	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 2, 162-168	2016	
19	Đánh giá Gefitinib trên bệnh nhân ung thư phổi giai đoạn muộn sau khi thất bại với hóa chất	4		Tạp chí Ung thư học Việt Nam		Số 3, 278-284	2016	
20	Kết quả điều trị ung thư đại tràng giai đoạn IVB bằng phác đồ mFOLFOX6 tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội và Bệnh viện K.	5		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		458, 2/9, 245-249	2017	
21	Đánh giá kết quả hóa – xạ trị đồng thời sau phẫu thuật ung thư trực tràng giai đoạn II-III tại Bệnh viện K	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tập 471, số chuyên đề ung thư,	2018	

22	Đánh giá kết quả phác đồ Bevacizumab phối hợp XELOX trong điều trị ung thư đại trực tràng giai đoạn IV	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tập 471, số chuyên đề ung thư, 25	2018	
23	Đánh giá đáp ứng điều trị và một số độc tính của phác đồ TCX trong ung thư dạ dày giai đoạn muộn tại Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội	2		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 1, 302-311	2019	
24	Đánh giá kết quả phác đồ Bevacizumab phối hợp XELOX trong điều trị ung thư đại trực tràng giai đoạn IV	2		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 1, 339-343	2019	
25	Đánh giá kết quả hóa xạ trị đồng thời hỗ trợ sau phẫu thuật trong ung thư trực tràng giai đoạn II-III tại Bệnh viện K từ 2012 đến 2016	8	✓	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 1, 348-355	2019	
26	Yếu tố ảnh hưởng đáp ứng hóa trị phác đồ có Oxaliplatin trên ung thư đại trực tràng di căn	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tập 497, số chuyên đề ung thư, 270-275	2020	

27	Đánh giá kết quả điều trị ung thư đại trực tràng di căn gan bằng hóa chất phối hợp đốt sóng cao tần tại Bệnh viện K	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tập 497, số chuyên đề ung thư, 343-349	2020	
28	Đánh giá kết quả điều trị ung thư biểu mô tuyến phổi giai đoạn IV bằng phác đồ Bevacizumab/ Carboplatin/ Paclitaxel	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		497, 2/12, 263-267	2020	
29	Kết quả bước đầu điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ không vảy bằng phác đồ Pemetrexed/ Platin	5		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663		Số 5 (1133), 66-69	2020	
30	Đánh giá tính an toàn và một số tác dụng không mong muốn của điều trị UTDD giai đoạn muộn bằng phác đồ TCX tại Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội	2		Tạp chí Y học lâm sàng		Số 121, 108-118	2021	
31	Đánh giá kết quả điều trị ung thư dạ dày giai đoạn muộn bằng phác đồ TCX tại Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội từ 2016 đến 2019	2		Tạp chí Y học lâm sàng ISSN: 1859-3593		Số 120, 115-122	2021	

32	Vai trò của CEA trong đánh giá đáp ứng với điều trị ung thư đại trực tràng giai đoạn tái phát, di căn	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		507, 1/10, 178-182	2021	
33	Kết quả điều trị bước 1 ung thư đường mật không còn khả năng phẫu thuật bằng phác đồ Gemcitabine/Oxaliplatin tại Bệnh viện K	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		519, số chuyên đề, 159-165	2022	
34	Đánh giá kết quả sống thêm 10 năm hoá xạ trị đồng thời sau phẫu thuật ung thư trực tràng giai đoạn II-III tại Bệnh viện K	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		515, 1/6, 215-220	2022	
35	Hiệu quả của Capecitabine đơn chất trong điều trị ung thư đại trực tràng duy trì giai đoạn di căn tại Bệnh viện K	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		515, 1/6, 135-138	2022	
36	Ứng dụng sinh học phân tử trong ung thư đại trực tràng	5		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		2, 2, 133-139	2022	



37	Đánh giá kết quả điều trị ung thư đại trực tràng di căn gan bằng hóa chất phối hợp đốt sóng cao tần tại Bệnh viện K	3	✓	Tạp chí Y học lâm sàng Bệnh viện TW Huế ISSN: 1859-3895			Số 76, 58-64	2022	
38	Kết quả điều trị U lympho ác tính không Hodgkin nguyên phát đường tiêu hóa	4	✓	Tạp chí Y học lâm sàng Bệnh viện TW Huế ISSN: 1859-3895			Số 84, 147-154	2023	
39	Giá trị của PET/CT trong chẩn đoán giai đoạn bệnh ung thư phổi tại Bệnh viện K	4		Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354 - 080X			164, 3, 188-194	2023	
40	Đánh giá kết quả hoá xạ trị đồng thời triệt căn phác đồ Paclitaxel - carboplatin trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn III tại Bệnh viện K	3	✓	Tạp chí Y học lâm sàng Bệnh viện TW Huế ISSN: 1859-3895			Số 88, 73-79	2023	
41	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ XELIRI sau thất bại với hóa trị bước 1 ung thư đại trực tràng giai đoạn IV	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			525, 2/4, 27-30	2023	

42	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng u lympho Non-Hodgkin nguyên phát đường tiêu hóa	4	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			525, 2/4, 166-170	2023	
43	Đánh giá hiệu quả phác đồ GEM-CIS trên bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến tụy giai đoạn muộn tại Bệnh viện K	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			526, 2/5, 14-18	2023	
44	Một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ung thư dạ dày tế bào nhẵn	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			526, 2/5, 203-207	2023	
45	Đánh giá độc tính phác đồ XELOX điều trị hỗ trợ ung thư đại tràng giai đoạn III tại Bệnh viện trường Đại học Y Hà Nội và Bệnh viện K	3		Tạp chí Y học Việt Nam			527, 2/6, 213-217	2023	
46	Đánh giá kết quả điều trị ung thư đại trực tràng có biến chứng tắc ruột tại Bệnh viện K	3		Tạp chí Y học Việt Nam			527, 2/6, 69-73	2023	

47	Yếu tố ảnh hưởng sống thêm của bệnh nhân ung thư đại trực tràng giai đoạn IV điều trị Cetuximab kết hợp hoá chất	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		525, số chuyên đề, 359 - 365	2023	
48	Kết quả đặt dẫn lưu đường mật ra da trên bệnh nhân ung thư tiêu hoá có biểu hiện tắc mật	6		Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613		64, số đặc biệt, 51 - 56	2023	
49	Kết quả hóa trị phác đồ Paclitaxel-Carboplatin trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhò giai đoạn IIIB-IV tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		522, 1/1, 41-46	2023	
50	So sánh kết quả hóa xạ trị tiên phẫu bằng kỹ thuật 3D-CRT và IMRT trong ung thư trực tràng giai đoạn T3-T4/N0	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		526, 2/5, 281- 284	2023	

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 4, số thứ tự (11, 12, 13, 14)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV  chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ;  04 CTKH   
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế  
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH   
Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho  
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 30 tháng 06 năm 2023

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Trần Thắng**